TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**
Số: 292/2017/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 13 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án về hôn nhân gia đình thụ lý số: 540/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2016 giữa:

* *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đào Duy P, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đặng Thị Đ, sin năm: 1950.

Địa chỉ: Ấp F, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vo cc Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đào Duy P và chị Nguyễn Thị Ngọc P.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đào Duy P và chị Nguyễn Thị Ngọc P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 21/8/2013 cho đến khi tròn 18 tuổi. Ghi nhận chị P không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh P, chị P thống nhất trị giá tài sản chung là 550.000.000 đồng và phân chia như sau:

Anh P được trọn quyền sở hữu chiếc xe ôtô tải hiệu IZUZU biển số 71C-030.01, mui trắng, loại xe tải thùng kín, trọng tải 8200 do anh Nguyễn Đào Duy P đứng tn chủ xe ngày 25/12/2015 và đang quản lý sử dụng.

Anh P có nghĩa vụ giao trả cho chị P phần tài sản chung tương ứng với số tiền là 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)*. Thời điểm trả như sau:

+ Lần 1: Vào ngày 05/10/2017 trả 150.000.000 đồng.

+ Lần 2: Vào ngày 05/11/2017 trả 150.000.000 đồng.

- Về nợ chung: Anh P có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị Đ số tiền 225.000.000 đồng *(Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng)*. Thời điểm trả như sau:

+ Lần 1: Vào ngày 05/10/2017 trả 75.000.000 đồng.

+ Lần 2: Vào ngày 05/11/2017 trả 75.000.000 đồng.

+ Lần 3: Vào ngày 05/12/2017 trả số tiền còn lại là 75.000.000 đồng.

Ghi nhận bà Đ không yêu cầu tính lãi số tiền nêu trên đến thời điểm thỏa thuận trả nợ.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của chị P, bà Đ nếu anh P chưa trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

- Về án phí: Anh Nguyễn Đào Duy P tự nguyện chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.062.500 đồng *(Chín triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng)*. Do anh P đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* nên được khấu trừ theo biên lai số 0001091 ngày 02/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh P còn phải nộp là 9.012.500 đồng *(Chín triệu không trăm mười hai nghìn năm trăm đồng)*.

Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.500.000 đồng *(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)*. Do chị P đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 12.650.000 đồng *(Mười hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng)* nên được khấu trừ theo biên lai số 0010091 ngày 09/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị P được nhận lại số tiền là 5.150.000 đồng *(Năm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.812.500 đồng *(Hai triệu tám trăm mười hai nghìn năm trăm đồng)*. Do bà Đ đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 5.625.000 đồng *(Năm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* nên được khấu trừ theo biên lai số 0012518 ngày 29/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà Đ được nhận lại số tiền là 2.812.500 đồng *(Hai triệu tám trăm mười hai nghìn năm trăm đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***** *Nơi nhận* ***:***
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *UBND xã;*
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *Các bên đương sự;*
-*Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Lê Thị Thúy Hằng